

Bản án số: 81/2018/HS-PT
Ngày 08-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Tuấn

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Đào Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2018/TLPT-HS ngày 17 tháng 8 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V, Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2018/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Hồng Q, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 79/286 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu Q1 và bà Nguyễn Thị T2; có vợ là Nguyễn Thanh B và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/02/2018 đến ngày 07/02/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng Mạnh L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1991 tại Hải Phòng. ĐKKHKT: Số 6 LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 29/69 KS, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn M và bà Hoàng Thị N1; có vợ là Lưu Thị Thúy A

và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 144/2011/HSST ngày 28/12/2011, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 02 năm 6 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Cố ý gây thương tích (chưa xóa án tích); bị bắt ngày 09/6/2017; bị tạm giữ từ ngày 10/6/2017; tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 29/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

3. Trần Anh Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 11 cụm 2 (số mới 13/4/189 đường ĐK), phường ĐK, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Trần Thị T3; có vợ là Nguyễn Thị Thu T4 và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Bản án số 15/2012/HSPT ngày 21/2/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); bị bắt ngày 09/6/2017; tạm giữ từ ngày 10/6/2017; tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến ngày 29/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

4. Trần Đức C, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 16B Lô 109, khu B2, phường CB, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T5 và bà Trần Thị M1; có vợ là Nguyễn Thị Thu H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Lê Đức T, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 1/37 đường NB, phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức M2 và bà Vũ Thị H1; có vợ là Hà Thị Y và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Phạm Duy L1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 51/132 đường АД, phường ĐG, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức S1 và bà Lê Thị H2; có vợ là Đỗ Thị Thu T6; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17/6/2017 đến ngày 26/6/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Trần Trung Đ1, sinh ngày 31 tháng 7 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 28/140 ĐĐ, phường ĐH, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang T7 và bà Trần Thị Bích N2; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Văn N, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: 1/141 LTV, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Công nhân;

trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh Q2 và bà Hoàng Thị T8; có vợ là Nguyễn Thị Phương T9 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/6/2017; tạm giam từ ngày 03/7/2017 đến ngày 31/8/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

9. Nguyễn Đình L2, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1976 tại Hải Phòng. ĐKHKTT: Số 10/01 D50 ĐQB, phường ĐQB, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 322/193 đường VC, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T10 và bà Phùng Thị H3; có vợ Trần Thị Thu H4 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Hà Quốc V, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1990 tại Hải Phòng. ĐKHKTT: Số 14 cầu thang 2 A3, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 11/1/89 LL, phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L4 và bà Lê Thị Phương M2; có vợ là Vũ Thùy L5 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Vũ Sơn T1, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1990 tại HongKong. Nơi cư trú: Số 9BT5/246 ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quang T11 và bà Dương Thị Minh H5; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Bản án số 41/2008/HSST ngày 13/3/2008, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Trần Doãn L3, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 75/136 ĐN, phường LV, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Doãn L6 và bà Nguyễn Thị Kim D; có vợ là Dương Thị Kim N3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, có 09 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 6/2017, các đối tượng hoạt động bằng hình thức sử dụng các thiết bị công nghệ như máy tính, điện thoại

di động kết nối mạng Internet chia, cắt các tài khoản cá độ (tài khoản đại lý) để tổ chức cho các đại lý cấp dưới và những người chơi cá độ bóng đá được thua bằng tiền. Người tổ chức cá độ quản lý, theo dõi việc cá độ ở tài khoản thành viên thông qua tài khoản quản lý (tên tài khoản đại lý + sub) và được đăng nhập tại trang web www.b88ag.com. Người tổ chức cá độ trả cho khách và đại lý cấp dưới tiền hoa hồng (tiền Com). Khi số điểm đặt cược cá độ đạt 400 điểm trong các trận thắng/thua, không tính các trận hòa, hệ thống mạng sẽ tự động quy đổi thành 01 Com. Đối với người tổ chức đánh bạc khi giao tài khoản cho những người cá độ và đại lý cấp dưới thường nâng giá tiền trên mỗi điểm cá độ để đánh bạc với người cá độ đồng thời nâng hệ số tiền Com trả cho người cá độ nhằm thu hút nhiều người chơi. Tài khoản thành viên được giao cho người chơi cá độ và được đăng nhập tại trang web www.bong88.com. Sau khi người chơi cá độ lựa chọn các trận cá độ, các kèo cá độ rồi quyết định chơi cá độ bằng cách đánh cược số điểm cần cá độ, sau đó quy đổi từ điểm cá độ thành tiền cá độ theo tỷ lệ đã thỏa thuận với người tổ chức cá độ. Mỗi tài khoản đều có mật khẩu riêng, mức giới hạn điểm (gọi là hạn mức tín dụng) do người tổ chức không chế để giao cho người cá độ, nếu sử dụng hết số điểm trong tài khoản sẽ không cá độ được mà người cá độ phải xin người chủ cá độ chuyển thêm điểm. Các đối tượng thường thống nhất với nhau về việc thanh toán tiền thắng thua, tiền Com vào thứ hai hàng tuần thông qua thỏa thuận, quy ước số tiền trên mỗi điểm cá độ và hệ số Com trả cho khách.

Bằng các hình thức như trên, các đối tượng đã lấy tài khoản tổng, tài khoản đại lý từ Phạm Hồng Q để tổ chức đánh bạc và đánh bạc cụ thể như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017, Q đi đến cửa khẩu Bavi (Camphuchia) tìm mua của một người đàn ông nước ngoài tên J (hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể) 03 tài khoản gồm: SD010300 có 5.000 điểm, SD010306 có 10.000 điểm, SD01K6 có 50.000 điểm. J thỏa thuận với Q 01 điểm cá độ = 5.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 1 (1 Com = 5.000 đồng), số tiền thắng, thua từ khoảng 10.000.000 đồng trở lên, J sẽ liên lạc với Q qua điện thoại di động trước (hình thức gọi qua mạng Viber), sau đó cho một thanh niên người Việt Nam tên H6 (hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể) đến nhà Q thanh toán tiền. Sau đó, Q cấp 02 tài khoản SD010300, SD010306 cho Trần Đức C và tài khoản SD01K6 cho Trần Anh Đ. Q thỏa thuận với Đức C và Anh Đ 01 điểm = 6.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 2,5 (1 Com = 15.000 đồng) và thanh toán tiền thắng, thua, tiền Com vào thứ hai hàng tuần. Q sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vào tài khoản quản lý SD01K6sub, SD010300sub, SD010306sub theo dõi qua mạng Internet số điểm thắng, thua, điểm Com của khách tại các tài khoản đã cấp cho Đức C và Anh Đ.

Trần Đức C và Trần Anh Đ đã chia cắt tài khoản đại lý nhận từ Phạm Hồng Q thành các tài khoản đại lý nhỏ hơn cho các đối tượng khác và các đối tượng này chia cắt thành các tài khoản thành viên tạo nên 02 đường dây cá độ bóng đá như sau:

Đường dây thứ nhất: Gồm các đối tượng Trần Đức C, Phạm Duy L1, Trần Doãn L3, Nguyễn Bảo T12, Bùi Văn B, Nguyễn Mạnh C1, Phùng Văn T13, Lê Đức T, Nguyễn Đình L2, Lê Viết Hồng N4, Vũ Sơn T1 và Trần Trung Đ1:

Tháng 12/2016, Trần Đức C nhận của Phạm Hồng Q tài khoản cá độ bóng đá SD010300, hạn mức tín dụng 5.000 điểm. Khoảng tháng 3/2017, Đức C lấy tiếp của Q tài khoản có tên SD010306, hạn mức tín dụng 10.000 điểm, mật khẩu là Qaz123. Đức C và Q thống nhất như đã thỏa thuận. Sau khi nhận 02 tài khoản trên, Đức C giao lại cho Lê Đức T, Phạm Duy L1, thỏa thuận 01 điểm = 10.000 đồng (C nâng giá mỗi điểm là 4.000 đồng), tiền hoa hồng Com x 4, Cường dùng tài khoản quản lý SD010300sub, SD010306sub để theo dõi các tài khoản giao cho T và Duy L1. Duy L1 đổi mật khẩu thành “Trang 7688”. Ngoài ra, tháng 5/2017, Duy L1 còn khai được Trần Anh Đ giao cho tài khoản đại lý SD01K30F, hạn mức tín dụng 5.000 điểm, tiền Com x 4, Đức thỏa thuận với Duy L1 01 điểm = 15.000 đồng, Duy L1 đổi mật khẩu thành “Linh 6789”.

Sau khi có 03 tài khoản từ Đức C và Anh Đ, Duy L1 cùng với Lê Đức T và Nguyễn Đình L2 thống nhất chung tiền để tổ chức cá độ với khách. Ngoài ra Duy L1 còn rủ Trần Trung Đ1 chung tiền, Trung Đ1 rủ Vũ Sơn T1 chung tiền theo tỷ lệ góp vốn là Duy L1, T, Trung Đ1 chung tài khoản SD010300 giao cho người cá độ và thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, T góp 15.000 đồng, Duy L1 góp 15.000 đồng, Trung Đ1 góp 10.000 đồng, Trung Đ1 cho Sơn T1 góp 2.500 đồng, Đức C có 10.000 đồng. Tài khoản SD010306, Duy L1, T, L2 giao cho người cá độ và thống nhất 01 điểm = 50.000 đồng, tài khoản này T góp 13.300 đồng, L2 góp 13.300 đồng, Duy L1 góp 13.300 đồng, Đức C góp 10.000 đồng, Duy L1 cho Trung Đ1 góp 5.000 đồng, Trung Đ1 cho Sơn T1 góp 2.500 đồng. Tài khoản SD01K30F Duy L1 cùng với T, L2 và Trung Đ1 chung nhau quản lý giao cho người cá độ và thống nhất 01 điểm = 50.000 đồng, trong đó T góp 10.000 đồng, L2 góp 10.000 đồng, Duy L1 cho Trung Đ1 góp 10.000 đồng, Trung Đ1 cho Sơn T1 góp 2.500 đồng.

Từ tháng 12/2016 đến tháng 6/2017, Duy L1 sử dụng máy vi tính của nhà vào mạng Internet chia tài khoản SD010300 thành các tài khoản thành viên gồm tài khoản: SD010300001 Duy L1 giao cho Nguyễn Bảo T12, mật khẩu “abcd1234”, hạn mức tín dụng 160 điểm, Duy L1 và T12 thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4 để T12 cá độ bóng đá với Duy L1; tài khoản SD010300002 L1 giao cho Nguyễn Mạnh C1, hạn mức tín dụng 100 điểm. Đến tháng 4/2017, Duy L1 tiếp tục giao cho Mạnh C1 tài khoản SD010300009, hạn mức tín dụng 100 điểm, cả 02 tài khoản có mật khẩu “abcd1234”, Duy L1 và Mạnh C1 thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4 để Mạnh C1 cá độ bóng đá với Duy L1; tài khoản SD010300003 Duy L1 giao cho Bùi Văn B. Khoảng tháng 12/2016, Duy L1 giao cho B tài khoản SD010300888, B sử dụng tài khoản trên cá độ bóng đá đến tháng 3/2017. Tháng 5/2017, Duy L1 tiếp tục giao cho B tài khoản SD01030000A, mỗi tài khoản trên đều có hạn mức tín dụng 100 điểm, Duy L1 và

B thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, mật khẩu “abcd1234”, tiền hoa hồng Com x4 để B cá độ bóng đá với Duy L1. Tháng 12/2016, Duy L1 giao cho Phùng Văn T13 tài khoản SD010300222, đến tháng 4/2017, Duy L1 giao tiếp cho T13 tài khoản SD010300007. Mỗi tài khoản có hạn mức tín dụng 100 điểm, Duy L1 và T13 thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, tiền Com x 4, mật khẩu của cả 2 tài khoản là “AAA222@A” để T13 cá độ bóng đá với Duy L1. Khoảng tháng 12/2016, Duy L1 giao cho Trần Doãn L3 tài khoản SD010300111, đến tháng 01/2017, Duy L1 giao tiếp cho L3 SD010300555, SD010300999, mật khẩu “abcd1234”, hạn mức tín dụng mỗi tài khoản từ 300 điểm đến 500 điểm, Duy L1 và L3 thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4 để L3 cá độ bóng đá với Duy L1. Đến khoảng tháng 3/2017, L3 trả lại các tài khoản này cho L1. Khoảng tháng 4/2017, Duy L1 giao cho Nguyễn Đình L2 tài khoản SD010300005, đến tháng 5/2017, Duy L1 giao tiếp cho L2 SD010300668, 02 tài khoản có hạn mức tín dụng 400 điểm, mật khẩu “abcd1234”, Duy L1 và L2 thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4 để L2 cá độ bóng đá với Duy L1. Khoảng tháng 4/2017, Duy L1 giao cho Vũ Sơn T1 tài khoản SD010300004 mật khẩu là “abcd123” hạn mức 300 điểm, Duy L1 và Sơn T1 thỏa thuận 01 điểm = 35.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4 để Sơn T1 cá độ bóng đá với Duy L1. Khoảng tháng 5/2017, Duy L1 giao cho Trần Trung Đ1 tài khoản SD01030000C, mật khẩu “abcd1234”, Duy L1 và Trung Đ1 thỏa thuận 01 điểm = 10.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4 để Trung Đ1 cá độ với Duy L1. Khoảng tháng 5/2017, Lê Đức T sử dụng tài khoản SD01030000B, hạn mức tín dụng 200 điểm, mật khẩu “abcd1234”, tiền Com x 4, T dùng cá độ với Mạnh C1, tỷ lệ 01 điểm = 10.000 đồng.

Tháng 4/2017, Duy L1 sử dụng máy vi tính vào mạng Internet chia tài khoản SD010306, thành 03 tài khoản thành viên SD010306000, SD010306333, SD010306222, Duy L1 chuyển 03 tài khoản này cho Lê Đức T để T giao cho Lê Viết Hồng N4, tài khoản SD010306000, N4 đổi mật khẩu thành “Nhan 123” hạn mức tín dụng 300 điểm, SD010306222 N4 đổi mật khẩu thành “Nhan 456” hạn mức tín dụng 300 điểm, SD010306333 N4 đổi thành mật khẩu “Nhan 678”, T và N4 thỏa thuận quy đổi 01 điểm = 50.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4.

Tháng 5/2017, Duy L1 tiếp tục chia tài khoản SD01K30F thành 02 tài khoản thành viên và giao cho Trần Doãn L3 SD01K30F011, SD01K30F222, mật khẩu “abcd1234”, hạn mức tín dụng của mỗi tài khoản từ 300 đến 500 điểm, Duy L1 và L3 thỏa thuận 01 điểm = 50.000 đồng, tiền hoa hồng Com x 4 để L3 cá độ với L1 (L3 không thừa nhận). Vào thứ hai hàng tuần, T và Duy L1 trực tiếp tổng kết tiền thắng thua, tiền Com với khách; sau đó T thanh toán tiền với C, C thanh toán tiền với Q. Đối với L1, T, L2, Đ1, T1 chung tiền trong các tài khoản SD010300, SD010306, SD01K30F được tính theo số tiền đánh bạc thắng thua của mỗi người bằng số tiền góp vốn nhân số điểm thắng/thua trong từng tài khoản, tiền Com trả cho người cá độ nhân với số điểm Com nhân với hệ số Com. Đức C, Duy L1, T và Trung Đ1 đều sử dụng máy vi tính, máy tính bảng kết nối internet và điện thoại di động có lắp đặt hệ thống 3G để vào mạng quản lý, theo dõi các tài khoản cá độ

bóng đá đã giao. Sơn T1, L3, N4, T13, B, T12 và Mạnh C1 đều sử dụng máy vi tính kết nối internet hoặc điện thoại di động có lắp đặt hệ thống 3G để cá độ bóng đá.

Đường dây thứ hai: Gồm các đối tượng Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Hà Quốc V, Đinh Xuân T14, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đăng H7, Hà Ngọc D1, Đinh Tiến T15 và Lê Tuấn A1.

Tháng 5/2017, Trần Anh Đ nhận của Phạm Hồng Q 01 tài khoản cá độ có tên SD01K6, hạn mức 50.000 điểm, mật khẩu Abcd1234@, Q thống nhất với Anh Đ như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tài khoản của Q, Anh Đ giao lại cho Hoàng Mạnh L tổ chức cho các đại lý và khách chơi cá độ cấp dưới, Anh Đ sử dụng tài khoản quản lý SD01K6sub01 để theo dõi số tiền, tỷ lệ cá cược các trận thi đấu bóng đá trên tài khoản, Anh Đ thỏa thuận với Mạnh L 01 điểm = 10.000 đồng, tiền Com x 4 (Anh Đ nâng giá 4.000 đồng/1 điểm), do vậy tài khoản của Mạnh L có 50.000 điểm, tương ứng với số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận được tài khoản cá độ bóng đá của Anh Đ, Mạnh L sử dụng máy vi tính tại nhà đổi mật khẩu từ Abcd1234@ sang thành Abcd6789@ và tạo Code là 112233, đăng nhập vào đường link <https://b88ag.com> chia thành 02 tài khoản nhỏ có tên SD01K666 và SD01K633.

Từ tài khoản SD01K666, Mạnh L chia thành tài khoản SD01K666666 dùng cá độ bóng đá với Anh Đ với tỷ lệ 01 điểm = 10.000 đồng, tiền Com x 4; còn lại Mạnh L giao cho Hà Quốc V. V chia SD01K666 thành 03 tài khoản thành viên SD01K666166, SD01K666266, SD01K666366. Tài khoản SD01K666366, hạn mức tín dụng 400 điểm, V dùng cá độ với Anh Đ, tỷ lệ 01 điểm = 10.000 đồng, tiền Com x 4. Tài khoản SD01K666266, SD01K666166, Mạnh L và V cùng quản lý, chung tiền và V giao cho những người tham gia cá độ. Tài khoản SD01K666166, V giao cho Nguyễn Đăng H7, mật khẩu Abcd6789@, hạn mức tín dụng 400 điểm, tỷ lệ 01 điểm = 50.000 đồng, tiền Com x 4 (L góp 20.000 đồng, V góp 20.000 đồng, Anh Đ có 10.000 đồng). Tài khoản SD01K666266, mật khẩu Abcd6789@, hạn mức tín dụng 200 điểm, V giao cho đối tượng tên H8 (chưa rõ lai lịch cụ thể), tỷ lệ 01 điểm = 40.000 đồng, tiền Com x 4 (Mạnh L góp 20.000 đồng, V góp 10.000 đồng, Anh Đ có 10.000 đồng).

Tài khoản SD01K633, Mạnh L giao cho Đinh Xuân T14 và Nguyễn Văn N, thỏa thuận 01 điểm = 20.000 đồng, tiền Com x 5, hạn mức tín dụng 10.000 điểm, tương đương 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tài khoản SD01K633 của Mạnh L, Xuân T14 đổi mật khẩu thành Thantai@ rồi cùng với N chung nhau quản lý tài khoản cá độ bóng đá với khách tính theo tỷ lệ 01 điểm = 50.000 đồng. Xuân T14 và N thống nhất Xuân T14 góp 15.000 đồng, N góp 15.000 đồng. Xuân T14 chia tài khoản SD01K633 thành các tài khoản thành viên gồm: SD01K633000 Xuân T14 dùng để cá độ với L; tài khoản SD01K633001 T14 giao cho Đinh Tiến T15 và thống nhất với T15 1 điểm = 50.000 đồng, tiền Com x 4; tài khoản SD01K633002 N dùng để cá độ với Mạnh L; tài khoản SD01K633003 N giao cho

Hà Ngọc D1 và thống nhất với D1 1 điểm = 50.000 đồng, tiền Com x 3; tài khoản SD01K633006 T14 giao cho Lê Tuấn A1 và thống nhất với Tuấn A1 1 điểm = 50.000 đồng, tiền Com x 4, tài khoản SD01K633004, SD01K633005S, D01K633608 và SD01K633008 T14 và N giao cho đối tượng tên là Dũng C2, Đ2 và một số khách chơi ở địa bàn quận ĐS (hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể). T14 và N thống nhất với những người này 1 điểm = 50.000 đồng, tiền Com x 4. Anh Đ, Mạnh L, V, Xuân T14 và N đều sử dụng điện thoại di động có lắp đặt hệ thống 3G để vào mạng quản lý, theo dõi các tài khoản cá độ bóng đá đã giao. H7, D1, T15 và Tuấn A1 đều sử dụng điện thoại di động có lắp đặt hệ thống 3G để cá độ bóng đá. Ngoài ra, tháng 12/2016, Mạnh L còn lấy 01 tài khoản cá độ TV9KD của đối tượng tên K sử dụng số điện thoại 0906551139 nhà ở đường ĐĐ, LC, Hải Phòng. Mạnh L sử dụng khoảng 01 tháng do không có khách chơi nên không dùng nữa và báo lại cho K biết, K đã khóa tài khoản lại.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã cung cấp mật khẩu, tên tài khoản để in ra các tài liệu liên quan đến việc tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá.

Hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc của các bị cáo cụ thể như sau:

- Phạm Hồng Q tổ chức cá độ 8.505 trận thi đấu bóng đá. Ngoài ra Q còn đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá với Đức C và Anh Đ, tỉ lệ 01 điểm = 6.000 đồng, trong đó có 09 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua: 110.728 đồng.

- Hoàng Mạnh L tổ chức cá độ 839 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 04 trận có giá trị trên 20.000.000 đồng, 42 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ 839 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 04 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 42 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi 4.143.150 đồng.

- Trần Anh Đ tổ chức cá độ 654 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 01 trận có giá trị trên 20.000.000 đồng, 16 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và sử dụng tài khoản SD01K6 cá độ với Hoàng Mạnh L 654 trận, trong đó có 01 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 16 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi: 9.785 đồng.

- Trần Đức C tổ chức cá độ 7.851 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 11 trận giá trị trên 5.000.000 đồng và lấy 02 tài khoản của Phạm Hồng Q là SD010300, SD010306 tham gia độ với T và Duy L1, tổng cộng là 7.851 trận, trong đó có 11 trận thi đấu bóng đá có giá trị trên 5.000.000 đồng và thu lợi 7.875.382 đồng.

- Lê Đức T tổ chức cá độ 8.267 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 36 trận có giá trị trên 20.000.000 đồng, 833 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ 8.267 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 36 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 834 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua 11.974.543 đồng.

- Phạm Duy L1 tổ chức cá độ 8.255 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 36 trận giá trị trên 20.000.000 đồng, 833 trận giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ 8.255 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 36 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 833 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi 9.408.984 đồng.

- Trần Trung Đ1 tổ chức cá độ 8.313 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 36 trận có giá trị 20.000.000 đồng, 833 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ là 8.313 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 36 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 833 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thua 24.298.960 đồng.

- Nguyễn Văn N tổ chức cá độ 543 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 06 trận có giá trị trên 20.000.000 đồng, 23 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ 314 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 06 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 19 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi 968.075 đồng.

- Nguyễn Đình L2 tổ chức cá độ 591 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 30 trận có giá trị trên 20.000.000 đồng, 164 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ 591 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 30 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 164 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thua 41.465.369 đồng.

- Đinh Xuân T14 tổ chức cá độ 543 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 06 trận có giá trị trên 20.000.000 đồng, 23 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ 341 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 06 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 24 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi 8.198.075 đồng.

- Hà Quốc V tổ chức cá độ 261 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 25 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và tham gia cá độ 261 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 25 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua 2.483.800 đồng.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo cụ thể như sau:

- Vũ Sơn T1 tham gia cá độ 8.307 trận thi đấu bóng đá trong đó có 36 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 834 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua 1.477.320 đồng.

- Phùng Văn T13 tham gia cá độ 2.924 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 128 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua 105.178.000 đồng.

- Trần Doãn L3 tham gia cá độ 1.242 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 36 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 641 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi 300.892.500 đồng.

- Lê Viết Hồng N4 tham gia cá độ 93 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 15 trận có giá trị đánh bạc trên 20.000.000 đồng, 29 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua 60.103.500 đồng.

- Nguyễn Đăng H7 tham gia cá độ 260 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 25 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi 6.209.500 đồng.

- Bùi Văn B tham gia cá độ 386 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 20 trận có giá trị trên 5.000.000 đồng và bị thua 7.234.500 đồng.

- Nguyễn Bảo T12 tham gia cá độ 3.145 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 08 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng, thu lợi 2.752.500 đồng.

- Hà Ngọc D1 tham gia cá độ 24 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 04 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua 3.108.750 đồng.

- Nguyễn Mạnh C1 tham gia cá độ 262 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 04 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và bị thua: 9.016.000 đồng.

- Đinh Tiến T15 tham gia cá độ 154 trận thi đấu bóng đá, trong đó có 15 trận có giá trị đánh bạc trên 5.000.000 đồng và thu lợi 8.943.500 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét thu giữ của các bị cáo các thiết bị, công cụ phục vụ cho việc tổ chức cá độ và cá độ bóng đá như điện thoại, máy vi tính, máy tính bảng (ipad). Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định các thiết bị điện tử trên

Tại bản Kết luận giám định số 4145/C54-P6 ngày 14/11/2017 của Viện Khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận: 01 CPU máy vi tính để bàn nhãn hiệu Dell của Vũ Sơn T1 (ký hiệu A24) có lịch sử truy cập vào các trang Web liên quan đến cá độ bóng đá trên mạng Internet, chi tiết thể hiện trong đĩa DVD (lưu trữ 01 tệp bảng tính định dạng “xlsx” dung lượng 209KB).

- Trong đối tượng gửi giám định (điện thoại di động Iphone 4 của Trần Đức C ký hiệu A2 và điện thoại di động Iphone 4 của Trần Doãn L3 ký hiệu A9):

+ Có dữ liệu về tin nhắn, nhưng không xác định được dữ liệu tìm thấy có liên quan đến cá độ bóng đá trên mạng Internet hay không.

+ Có lịch sử truy cập vào các trang web có liên quan đến cá độ bóng đá trên mạng Internet

- Có dữ liệu về tin nhắn lưu trữ trong đối tượng gửi giám định các điện thoại di động của các đối tượng khác giao nộp có ký hiệu A1, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A10, A14, A15, A16, A19, A21 nhưng không xác định được dữ liệu tìm thấy có liên quan đến cá độ bóng đá trên mạng Internet hay không.

- Không tìm thấy dữ liệu liên quan đến cá độ bóng đá trên mạng Internet lưu trữ trong đối tượng gửi giám định là điện thoại di động do các đối tượng giao nộp có ký hiệu A11, A12, A13, A17, A18, A120, A22, A23, A25, A26.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 26/6/2018, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Phạm Hồng Q** 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 05 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2018 đến ngày 07/02/2018), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 04 năm 05 tháng 25 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Hoàng Mạnh L** 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 06 tháng 20 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/6/2017 đến ngày 29/12/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 03 năm 11 tháng 10 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Anh Đ** 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 06 tháng 20 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/6/2017 đến ngày 29/12/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 03 năm 05 tháng 10 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Đức C** 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Lê Đức T** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Phạm Duy L1** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2017 đến ngày 26/6/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 02 năm 11 tháng 21 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Trung Đ1** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Nguyễn Văn N** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 02 tháng 06 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/6/2017 đến ngày 31/8/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 02 năm 09 tháng 24 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Nguyễn Đình L2** 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248, khoản 1, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Hà Quốc V** 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1

Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Vũ Sơn T1** 02 năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Doãn L3** 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Hồng Q, Trần Anh Đ, Hoàng Mạnh L, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Đình L2, Nguyễn Văn N, Hà Quốc V, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc” và 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Tổng cộng mỗi bị cáo bị phạt tiền 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Phạt tiền đối với các bị cáo Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Buộc các bị cáo Hoàng Mạnh L phải nộp 4.143.150 đồng, Trần Anh Đ phải nộp 9.785 đồng, Trần Đức C phải nộp 7.875.382 đồng, Phạm Duy L1 phải nộp 9.408.984 đồng, Nguyễn Văn N phải nộp 968.075 đồng, Trần Doãn L3 phải nộp 300.892.500 đồng tiền thu lợi bất chính.

Ngoài ra, còn quyết định hình phạt của các bị cáo khác, xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2018 bị cáo Nguyễn Đình L2, Nguyễn Văn N, Trần Doãn L3 có đơn kháng cáo; ngày 10/7/2018, bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Hà Quốc V, Vũ Sơn T1 có đơn kháng cáo. Các bị cáo Anh Đ, C, N, Mạnh L, T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Q, T, Duy L1, Trung Đ1, L2, V, L3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo đều trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V, Vũ Sơn T1 đều giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo Trần Doãn L3 thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin được hưởng hình phạt khác ngoài hình phạt tù.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; xét xử các bị cáo Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều không có ý kiến gì về tội danh, chỉ xin mức án nhẹ hơn. Các bị cáo C, T, Duy L1, Trung Đ1, L2, V, L3 cung cấp được Biên lai nộp tiền phạt và tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo này được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tình tiết mới xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo C, T, Duy L1, Trung Đ1, L2, V và có thể chuyển sang hình phạt nhẹ hơn là hình phạt tiền đối với bị cáo Long. Các bị cáo Q, Mạnh L, Anh Đ, N, T1 không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V, Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V đã có hành vi nhận tài khoản đại lý cá độ bóng đá trên trang mạng internet, sử dụng các thiết bị điện tử như máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại có kết nối internet để chia cắt thành các tài khoản đại lý cấp dưới và tài khoản thành viên để cung cấp cho các bị cáo khác và những người chơi cá độ bóng đá dưới hình thức được thua bằng tiền, trả tiền hoa hồng (tiền com) cho đại lý cấp dưới và người chơi; sử dụng điện thoại để theo dõi việc cá độ và quản lý các tài khoản cấp dưới. Đồng thời các bị cáo này còn trực tiếp tham gia cá độ bóng đá với nhau và cá độ với các bị cáo Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 và một số bị cáo khác dưới hình thức được thua bằng tiền, phụ thuộc vào kết quả của các trận bóng đá. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; xét xử các bị cáo Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V, Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung Bản án sơ thẩm đã quy kết đối với các

bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, về hành vi Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc, mà chỉ đề nghị xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo quá nặng.

Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Bị cáo Phạm Hồng Q giữ vai trò cao nhất, là người trực tiếp nhận tài khoản tổng rồi giao cho các bị cáo khác. Bị cáo Trần Anh Đ, Vũ Sơn T1 đều có 01 tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện các bị cáo này đều có nhân thân không tốt; bị cáo Hoàng Mạnh L có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi vụ án bị phát hiện các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, giúp cho Cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra, sớm kết thúc vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Đức T, Trần Trung Đ1, Trần Đức C, Nguyễn Đình L2, Phạm Duy L1, Hà Quốc V, Trần Doãn L3 đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền phạt bổ sung và tiền thu lợi bất chính mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo, cụ thể:

- Bị cáo Lê Đức T đã nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 3006 ngày 28/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

- Bị cáo Trần Đức C đã nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 3073 ngày 02/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

- Bị cáo Trần Trung Đ1 đã nộp 15.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 3075 ngày 02/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

- Bị cáo Nguyễn Đình L2 đã nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 3059 ngày 10/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

- Bị cáo Hà Quốc V đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 3076 ngày 05/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

- Bị cáo Phạm Duy L1 đã nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 3019 ngày 09/10/2018; 9.410.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo Biên lai số 2997 ngày 27/7/2018 và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 2989 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

- Bị cáo Trần Doãn L3 đã nộp 300.892.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo Biên lai số 3055 ngày 04/10/2018 và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

theo Biên lai số 2978 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[4] Đây là tình tiết mới, có sau khi xét xử sơ thẩm nên được Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo Lê Đức T, Trần Trung Đ1, Trần Đức C, Nguyễn Đình L2, Phạm Duy L1, Hà Quốc V, Trần Doãn L3 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[5] Trong vụ án này, có bị cáo Q, T, Duy L1, Trung Đ1, L2, V kháng cáo xin hưởng án treo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Q, T, Duy L1, Trung Đ1, L2, V đều phạm hai tội, các bị cáo tham gia “Tổ chức đánh bạc”, cũng như “Đánh bạc” một thời gian dài, số trận đánh bạc là lớn, trong đó có những trận trên 20.000.000 đồng. Vì vậy, không thể chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo này được, mà cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Đối với bị cáo L3, tại phiên tòa bị cáo thay đổi xin được hưởng hình phạt khác ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chỉ phạm tội “Đánh bạc”, hành vi của bị cáo thuộc loại tội ít nghiêm trọng, bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định (bị cáo có Đơn xác nhận công tác của Công ty) nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng hình phạt chính là phạt tiền như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 26/6/2018, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, tuyên buộc bị cáo L3 phải nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung. Do bị cáo được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên bị cáo không phải chịu hình phạt tiền bổ sung theo Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[7] Đối với bị cáo Vũ Sơn T1, tuy bị cáo có 01 tiền án (đã được xóa án tích), nhưng hành vi của bị cáo có mức độ, bị cáo chỉ phạm tội “Đánh bạc”, bị cáo đã rất hối hận về hành vi của mình, nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo, giảm cho bị cáo T1 một phần hình phạt tù, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V, Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Nguyễn Văn N phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Nguyễn Văn N: Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V và Vũ Sơn T1: Sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Doãn L3: Sửa Bản án sơ thẩm, chuyển từ hình phạt tù sang phạt tiền là hình phạt chính.

2. Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Phạm Hồng Q** 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 05 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2018 đến ngày 07/02/2018), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 04 năm 05 tháng 25 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Hoàng Mạnh L** 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 06 tháng 20 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/6/2017 đến ngày 29/12/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 03 năm 11 tháng 10 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Anh Đ** 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 06 tháng 20 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09/6/2017 đến ngày 29/12/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 03 năm 05 tháng 10 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ

luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Đức C** 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Lê Đức T** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Phạm Duy L1** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ (từ ngày 17/6/2017 đến ngày 26/6/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 02 năm 05 tháng 21 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Trung Đ1** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Nguyễn Văn N** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo 02 tháng 06 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/6/2017 đến ngày 31/8/2017), thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 02 năm 09 tháng 24 ngày.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Nguyễn Đình L2** 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị

cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Hà Quốc V** 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Vũ Sơn T1** 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt tiền **Trần Doãn L3** 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng về tội “Đánh bạc”. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung và thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận và sung quỹ Nhà nước số tiền 300.892.500 (*Ba trăm triệu tám trăm chín mươi hai nghìn năm trăm*) đồng tiền thu lợi bất chính do bị cáo Trần Doãn L3 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 3055 ngày 04/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

Ghi nhận và sung quỹ Nhà nước số tiền 9.410.000 (*Chín triệu bốn trăm mười nghìn*) đồng tiền thu lợi bất chính và 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng tiền phạt bổ sung do bị cáo Phạm Duy L1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 3055 ngày 04/10/2018 và Biên lai số 3019 ngày 09/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

Ghi nhận và sung quỹ Nhà nước số tiền 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng tiền phạt bổ sung do bị cáo Lê Đức T đã nộp theo Biên lai số 3006 ngày 28/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

Ghi nhận và sung quỹ Nhà nước số tiền 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng tiền phạt bổ sung do bị cáo Trần Đức C đã nộp theo Biên lai số 3073 ngày 02/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

Ghi nhận và sung quỹ Nhà nước số tiền 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng tiền phạt bổ sung do bị cáo Trần Trung Đ1 đã nộp theo Biên lai số 3075 ngày 02/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

Ghi nhận và sung quỹ Nhà nước số tiền 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng tiền phạt bổ sung do bị cáo Nguyễn Đình L2 đã nộp theo Biên lai số 3059 ngày 10/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

Ghi nhận và sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng tiền phạt bổ sung do bị cáo Hà Quốc V đã nộp theo Biên lai số 3076 ngày 05/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Đức C, Lê Đức T, Phạm Duy L1, Trần Trung Đ1, Nguyễn Đình L2, Hà Quốc V, Vũ Sơn T1, Trần Doãn L3 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Phạm Hồng Q, Hoàng Mạnh L, Trần Anh Đ, Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án số 44/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND cấp sơ thẩm;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS cấp sơ thẩm;
- Tòa án cấp sơ thẩm;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Cục THADS TPHP;
- Chi cục THADS cấp sơ thẩm;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình

